

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÙ LAO DUNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 20/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 9 - 2020

V/v ly hôn,
tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Mỹ Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Công Thuận.

2. Bà Trần Lệ Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Thừa –Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Minh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 72/2020/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 6 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Lê Thị Mỹ T, sinh năm: 1993. Cư trú tại: ấp Tr, xã Th, huyện Tr, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Kim Mắc Ka R, sinh năm: 1986. Cư trú tại: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 6 năm 2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lê Thị Mỹ T trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị Mỹ T và anh Kim Mắc Ka R có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương vào ngày 09/3/2012, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và được Ủy ban nhân dân xã Thanh Sơn, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh cấp giấy chứng nhận kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến tháng 10/2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng ý kiến trong cuộc sống, nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, chị T và

anh Ka R sống ly thân từ tháng 10/2013 cho đến nay. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Ka R không còn, nên chị T yêu cầu ly hôn với anh Ka R. Về con chung: Trong thời gian chung sống chị T và anh Ka R có 01 người con chung tên là Lê Thị Mỹ L, sinh ngày 16/8/2013. Hiện nay, Mỹ L đang sống với chị T. Chị Lê Thị Mỹ T yêu cầu được nuôi con chung tên là Lê Thị Mỹ L, sinh ngày 16/8/2013 cho đến khi thành niên, không yêu cầu anh Ka R cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không có yêu cầu gì.

Bị đơn là anh Kim Mắc Ka R đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải, anh R không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cũng như không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh R.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Trong vụ án này Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng đối với bị đơn không chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là xử cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn, xử giao cháu Lê Thị Mỹ L, sinh ngày 16/8/2013 cho chị T nuôi dưỡng đến khi thành niên; Về tài sản chung và nợ chung, không có đề nghị gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Anh Kim Mắc Ka R là bị đơn trong vụ án, anh Ka R đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Ka R.

Đối với nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ T, đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị T

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Lê Thị Mỹ T và anh Kim Mắc Ka R là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống hạnh phúc, vợ chồng phát

sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong cuộc sống, tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ tháng 10/2013, hai bên đã sống ly thân. Từ khi ly thân cho đến nay anh chị không có gặp nhau để bàn bạc về việc hôn nhân của anh chị nhằm tạo điều kiện chung sống lại với nhau. Tại đơn khởi kiện ngày 08 tháng 6 năm 2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị T yêu cầu được ly hôn với anh Ka R là hoàn toàn có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên cần chấp nhận yêu cầu của chị T. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị T được ly hôn với anh Ka R.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống chị T và anh Ka R có 01 người con chung tên là Lê Thị Mỹ L, sinh ngày 16/8/2013, hiện nay Mỹ L đang sống chung với chị T. Tại đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 6 năm 2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị T yêu cầu nuôi con chung là Lê Thị Mỹ L, sinh ngày 16/8/2013 cho đến khi thành niên, không yêu cầu anh Ka R cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với bị đơn anh Kim Mắc Ka R đã được Tòa án tổng đặt hợp lệ thông báo về nội dung yêu cầu của chị T, nhưng anh Ka R không có văn bản trả lời về nội dung yêu cầu của chị T. Hội đồng xét xử xét thấy: Từ khi chị T và anh Ka R sống ly thân cho đến nay thì cháu L sống chung với chị T. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Lê Thị Mỹ L, sinh ngày 16/8/2013 cho chị T nuôi dưỡng đến khi thành niên, do chị T không yêu cầu anh Ka R phải cấp dưỡng nuôi con, nên anh Ka R không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con cho anh Ka R, không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu nghĩa vụ án phí đối với vụ án hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng; Anh Ka R không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ngoài ra, căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 17 Luật

phí và Lệ phí; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Mỹ T.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị Mỹ T được ly hôn với anh Kim Mắc Ka R.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Thị Mỹ L, sinh ngày 16/8/2013 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi cháu Linh thành niên. Anh Ka R không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con cho anh Ka R, không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Mỹ T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình, nhưng chị T được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002934 ngày 08 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, chị T đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm; Anh Kim Mắc Ka R không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Mỹ T và anh Kim Mắc Ka R có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Mỹ Xuyên